

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 12 - 2023
V/v: Xin ly hôn, nuôi con và trả
nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Nương.

2. Ông Trịnh Minh Thông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hà Duy Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung và trả nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Mỹ T, sinh ngày 01/01/1991.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp NS, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng B (tên gọi khác: Út Long A), sinh ngày 20/11/1989.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp NS, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách Xã hội.

Địa chỉ: Phố LĐ, phường HL, quận HM, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Quyết Th, Chức vụ: Tổng giám đốc, là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện theo pháp luật: Anh Phan Thanh Tuấn Tr, Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội-Phòng giao dịch huyện GT, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp KH, xã TKH, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019.

Người đại diện hợp pháp của người đại diện theo ủy quyền: Anh Danh Nhân Á, Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội-Phòng giao dịch huyện GT, tỉnh Kiên Giang (có mặt).

Địa chỉ: Ấp KH, xã TKH, huyện GT, tỉnh Kiên Giang. Theo Quyết định ủy quyền số 175/QĐ-PGD ngày 18/7/2022.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2023 và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ T trình bày: Năm 2016 tôi và anh Nguyễn Hồng B được Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 18/2016/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2016. Năm 2017 tôi và anh B trở về chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn lại. Lúc đầu trở về chung sống có đầm ấm, hạnh phúc nhưng sau đó cả hai phát sinh mâu thuẫn, do anh B không lo lắng làm ăn, quan tâm đến vợ con. Do không còn tình cảm, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn đối với anh Nguyễn Hồng B.

Về con chung: Tôi và anh B sau khi chung sống lại có thêm 01 con chung là Nguyễn An Hạo Nh, sinh ngày 06/9/2019-giới tính: Nữ. Hiện nay con do tôi đang nuôi dưỡng; nếu được ly hôn tôi đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Nguyễn Hồng B cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con Nguyễn Anh Hạo Th, sinh ngày 04/01/2012-giới tính: Nam trước đây Tòa án giải quyết giao cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng; nay anh Nguyễn Hồng B là người trực tiếp nuôi dưỡng thì có được không và làm như thế nào.

Về tài sản chung: Tôi và anh B chung sống lại có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp thì sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Tôi và anh B chung sống lại cá nhân tôi có vay và nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội-Phòng giao dịch huyện GT 70.000.000 đồng; trong đó 01 khoản 50.000.000 đồng và 01 khoản 20.000.000 đồng; tôi tự nguyện trả toàn bộ số nợ khi các khoản nợ đến hạn.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng B trình bày: Năm 2016 tôi và cô Nguyễn Mỹ T được Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang giải quyết cho ly hôn. Năm 2017 tôi và cô Mỹ T trở về chung sống với nhau và không có đăng ký kết hôn lại. Lúc đầu trở về chung sống có đầm ấm, hạnh phúc nhưng sau đó cả hai phát sinh mâu thuẫn, do mẹ vợ đòi lại nhà ở đã cho tặng. Nay cô Mỹ T xin ly hôn tôi hoàn toàn đồng ý và yêu cầu Tòa án tuyên bố chúng tôi không phải là vợ chồng.

Về con chung: Tôi và cô Mỹ T sau khi chung sống lại có thêm 01 con chung là Nguyễn An Hạo Nh, sinh ngày 06/9/2019-giới tính: Nữ. Hiện nay con do cô Mỹ T đang nuôi dưỡng; tôi đồng ý để cô Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con chung do cô Mỹ T không có yêu cầu. Đối với con

Nguyễn Anh Hạo Th, sinh ngày 04/01/2012-giới tính: Nam trước đây Tòa án giải quyết giao cho cô Nguyễn Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng; nay tôi là người trực tiếp nuôi dưỡng thì có được không và làm như thế nào.

Về tài sản chung: Tôi và cô Mỹ T chung sống lại có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp có tranh chấp thì sẽ khởi kiện yêu cầu giải quyết thành vụ án khác.

Về nợ chung: Tôi và cô Mỹ T chung sống lại cô Mỹ T tự vay tại Ngân hàng Chính sách Xã hội-Phòng giao dịch huyện GT, nên cô Mỹ T có nghĩa vụ trả và tôi không có yêu cầu phản tố.

- *Đại diện Ngân hàng Chính sách Xã hội-Phòng giao dịch huyện GT anh Danh Nhân Á trình bày:* Ngân hàng cho cá nhân chị Nguyễn Mỹ T vay 70.000.000 đồng; trong đó về chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 20.000.000 đồng (vay ngày 16/10/2023 và đến hạn ngày 16/10/2028); và chương trình cho vay hộ nghèo 50.000.000 đồng (vay ngày 16/7/2020 và đến hạn ngày 16/7/2025). Đại diện Ngân hàng đồng ý để chị T trả 70.000.000 đồng khi các khoản nợ đến hạn. Trường hợp chị Nguyễn Mỹ T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì Ngân hàng khởi kiện thành vụ án khác; đồng thời, ngân hàng không có yêu cầu độc lập.

Nguyên đơn chị Nguyễn Mỹ T: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Bị đơn anh Nguyễn Hồng B: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Danh Nhân Á: Tôi không có ý kiến tranh luận.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các bên đương sự là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B. Về con chung là cháu Nguyễn An Hạo Nh giao cho chị Nguyễn Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; anh Nguyễn Hồng B không phải cấp dưỡng, do chị Nguyễn Mỹ T không có yêu cầu. Đối với cháu Nguyễn Anh Hạo Th đã được giải quyết theo Quyết định số 18/2016/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành là giao cho chị Nguyễn Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng; nay anh Nguyễn Hồng B nuôi dưỡng thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về việc thay đổi nuôi con chung. Về tài sản chung là có nhưng không tranh chấp, nên không phải giải quyết trong cùng vụ án. Về nợ chung cần ghi nhận nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Chính sách Xã hội-Phòng giao dịch huyện GT của chị Nguyễn Mỹ T khi các khoản vay đến hạn. Buộc chị Nguyễn Mỹ T chịu án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc chị Nguyễn Mỹ T tranh chấp xin ly hôn đối với anh Nguyễn Hồng B có nơi cư trú tại tổ 5, ấp NS, xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang; nên được xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Trong vụ án này Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu phản tố và yêu cầu độc lập do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu.

[3] Việc Tòa án tiến hành các trình tự thủ tục tố tụng về thụ lý vụ án; xem xét xác minh thu thập tài liệu chứng cứ; thông báo để các bên đương sự tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ; hòa giải việc nuôi con chung, nợ chung và ghi nhận ý kiến được kịp thời, đúng quy định của pháp luật. Đảm bảo sự có mặt tham gia xét xử của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm.

[4] Xét về quan hệ hôn nhân: Theo chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B khai nhận cả hai chung sống lại với nhau vào năm 2017 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Sau khi cả hai chung sống có đầm ấm, hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn sống ly thân khoảng 02 năm nay. Thời gian sống ly thân chị Mỹ T và anh Hồng B không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng nuôi dưỡng với nhau nữa. Do chị Mỹ T xét thấy không thể cùng anh Hồng B tiếp tục chung sống hạnh phúc, nên chị Mỹ T cương quyết xin ly hôn anh Hồng B; còn anh Hồng B cũng đồng ý ly hôn đối với chị Mỹ T.

Theo kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã VĐ, huyện GT, tỉnh Kiên Giang thì chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B không có đăng ký kết hôn. Như vậy, việc chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B chung sống lại với nhau làm vợ, làm chồng sau ngày 03/01/1987 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn... *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ.”*. Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật về hộ tịch.*

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”. Và tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”*. Căn cứ theo quy định của pháp luật đã viện dẫn nói trên; Hội

đồng xét xử cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B.

[5] Về con chung: Chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B khai nhận sau khi chung sống lại có thêm 01 con chung là cháu Nguyễn An Hạo Nh, sinh ngày 06/9/2019-giới tính: Nữ. Chị Mỹ T và anh Hồng B thỏa thuận, thống nhất giao cháu Hạo Nh cho chị Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi; anh Hồng B không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hạo Nh, do chị Mỹ T không có yêu cầu. Riêng cháu Nguyễn Anh Hạo Th đã được giải quyết bằng Quyết định số 18/2016/QĐST-HNGĐ ngày 23/3/2016 của Tòa án nhân dân huyện Giang Thành và hiện tại do hai bên thỏa thuận giao lại cho anh Hồng B trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần tách ra giải quyết thành việc dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B trình bày quá trình chung sống lại có tạo lập được tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

[7] Về nợ chung: Tại phiên tòa chị Nguyễn Mỹ T thừa nhận cá nhân chị còn nợ Ngân hàng Chính sách Xã hội-Phòng giao dịch huyện GT, tỉnh Kiên Giang trong 02 khoản vay là chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 20.000.000 đồng và chương trình cho vay hộ nghèo 50.000.000 đồng; tổng cộng 70.000.000 đồng. Do chị Nguyễn Mỹ T và đại diện Ngân hàng anh Danh Nhân Á thống nhất để chị Nguyễn Mỹ T trả nợ gốc và lãi khi 02 khoản nợ lần lượt đến hạn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Mặt khác, trong 02 khoản vay mà chị Nguyễn Mỹ T vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

1. Tuyên Bô: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An Hạo Nh, sinh ngày 06/9/2019-giới tính: Nữ cho chị Nguyễn Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hồng B không phải cấp dưỡng nuôi cháu Hạo Nh, do chị Nguyễn Mỹ T không có yêu cầu.

Riêng cháu Nguyễn Anh Hạo Th hiện tại hai bên thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Hồng B trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần tách ra giải quyết thành việc dân sự khác khi các bên có yêu cầu.

Anh Nguyễn Hồng B và các thành viên trong gia đình phải tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn An Hạo Nh của chị Nguyễn Mỹ T.

Chị Nguyễn Mỹ T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hồng B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn An Hạo Nh.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Mỹ T và anh Nguyễn Hồng B trình bày quá trình chung sống lại có tạo lập được tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xem xét, giải quyết trong cùng vụ án.

4. Về nợ chung: Ghi nhận việc chị Nguyễn Mỹ T và đại diện Ngân hàng Chính sách Xã hội anh Danh Nhân Á thống nhất đề chị Nguyễn Mỹ T trả nợ gốc trong 02 khoản vay là 70.000.000 đồng; trong đó chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 20.000.000 đồng và chương trình cho vay hộ nghèo 50.000.000 đồng khi 02 khoản nợ lần lượt đến hạn. Mặt khác, trong 02 khoản vay mà chị Nguyễn Mỹ T vi phạm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn thì Ngân hàng có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Mỹ T phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Mỹ T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002874 ngày 15/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giang Thành, tỉnh Kiên Giang, nên chị Mỹ T không phải nộp thêm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giang Thành;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Giang Thành;
- Các bên đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Văn Vân